

CA DAO YÊU THƯƠNG, TÌNH NGHĨA

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được truyền thống tốt đẹp của nhân dân trong tình yêu lứa đôi và tình nghĩa đối với quê hương, con người.

– Thấy được vẻ đẹp của những hình ảnh ẩn dụ, những hình thức lặp lại và thể thơ truyền thống trong ca dao.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về văn bản

Bài 3 nguyên văn còn có một số câu như sau :

*Ước gì anh hoá ra hoa,
Để em nâng lấy rồi mà cài khăn.
Ước gì anh hoá ra chăn,
Để cho em đắp, em lăn em nằm.
Ước gì anh hoá ra gương,
...*

2. Về nội dung

a) Về thuật ngữ *ca dao, dân ca* : phần *Tri thức đọc - hiểu* trong SGK đã giải thích khá kĩ theo nghĩa từ nguyên và theo cách hiểu phổ biến hiện nay.

b) So với thơ ca trữ tình (của văn học viết), ngoài bản chất chung là tính chất trữ tình, ca dao có một số đặc điểm riêng. Trong ca dao, chủ thể trữ tình (tức tác giả) và nhân vật trữ tình (tức nhân vật mà cảm nghĩ của nó được diễn tả trong bài ca) thống nhất với nhau và luôn biểu hiện cho tiếng nói chung của tập thể (giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, địa phương, dân tộc,...). Ca dao diễn tả tình cảm, tâm trạng của một số kiểu nhân vật trữ tình : *chàng trai, cô gái* trong quan hệ tình bạn, tình yêu ; *người mẹ, người vợ, người con*, v.v. trong quan hệ gia đình ; *người phụ nữ, người dân thường* trong quan hệ xã hội. Ở đây không có dấu ấn

cá nhân người sáng tạo. Trong sinh hoạt ca dao, người hát như hát về mình ; người nghe như nghe tiếng lòng mình. Tất cả những người cùng cảnh ngộ, tâm trạng đều có thể dùng chung câu hát của nhau, coi đó như tâm sự cất lên tự trái tim mình. Vì vậy, ca dao được coi là tấm gương soi của tâm hồn dân tộc.

c) Ca dao rất ngắn gọn. Đặc điểm này do nhiều nguyên nhân. Ca dao nảy sinh trong hoàn cảnh đối đáp, ứng tác trực tiếp. Mỗi bài chỉ biểu hiện một ý, một cảm xúc. Một nguyên nhân khác : thơ ca dân gian nói chung mang tính tự phát trực tiếp, mà theo Hê-ghe-n chính đặc tính này "đem lại cho dân ca một sự tươi mát và một sự chân thực,... nhưng nó cũng khiến cho dân ca có tính chất phiến đoạn, rời rạc, cô đúc, thậm chí... tối nghĩa. Tình cảm bị che giấu rất sâu, không thể và không muốn bộc lộ hoàn toàn".

Hơn 90% số bài ca dao đã sưu tầm được đều sử dụng thể thơ lục bát hoặc lục bát biến thể. Đây là thể thơ "phát nguyên bởi những ca dao, phương ngôn, ngôn ngữ thời cổ" (Bùi Kỳ), "tiện cho sự ngân nga mà lại dễ nhớ" (Phạm Đình Toái), có thể "bê" theo nhiều lần điệu hát, "thể thơ ca hát và kể chuyện của dân chúng" (Nguyễn Đình Thi).

d) Nói về đặc điểm nghệ thuật của ca dao (phần *Tri thức đọc - hiểu*), SGK có đoạn viết : "Ca dao rất giàu hình ảnh *so sánh, ẩn dụ* [...] Những hình ảnh đó phần lớn là cảnh thiên nhiên hay sinh hoạt rất quen thuộc với người bình dân [...] Ngôn ngữ ca dao là ngôn ngữ thơ nhưng vẫn gần gũi với lời nói hàng ngày, đậm màu sắc địa phương và dân tộc".

Để tìm tư liệu chứng minh cho các nội dung trên, GV tìm đọc một số sách, tạp chí và có thể lấy ví dụ từ ca dao của các miền, các địa phương khác cho phù hợp với đối tượng HS nơi mình dạy.

3. Về phương pháp

a) Bài học này mở đầu cho những bài học về ca dao, vì vậy cùng với việc giúp HS hiểu những tác phẩm cụ thể, cần cho các em thấy được sơ lược một số đặc điểm cơ bản của ca dao (phần *Tri thức đọc - hiểu* trong SGK).

b) Phần *Tri thức đọc - hiểu* cũng đã gợi ý cho HS phương pháp tìm hiểu ca dao. Phương pháp này đã được cụ thể hoá trong những câu hỏi hướng về từng nhóm bài và về từng tác phẩm trong mỗi nhóm bài ấy.

c) Nếu có điều kiện, GV nên trình bày bằng giáo án điện tử khi giảng những yếu tố trùng lặp và những yếu tố sáng tạo trong từng chùm bài ca dao.

4. Về kiểm tra, đánh giá

– Yêu cầu HS học thuộc lòng các bài ca dao đã học.

– Có thể sử dụng câu hỏi sau đây để kiểm tra :

Qua chùm ca dao đã học, anh (chị) thấy những biện pháp nghệ thuật nào thường được ca dao sử dụng ? Cho ví dụ và phân tích giá trị biểu hiện nội dung cảm xúc của một trong những biện pháp đó.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

Có thể dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK để giới thiệu bài học.

2. Phần tổ chức dạy học

a) Hướng dẫn HS trả lời hoặc thảo luận các câu hỏi.

Câu hỏi 1

– Sáu bài ca dao trong bài học có thể chia thành ba nhóm : nhóm 1 : *bài 1, 2, 3* ; nhóm 2 : *bài 4* ; nhóm 3 : *bài 5, 6*.

– Việc xếp các bài ca dao theo từng nhóm là dựa vào sự tương đồng về nội dung và nghệ thuật của chúng. Chẳng hạn : những bài ca dao nhóm 1 đều diễn tả ước muốn trong tình bạn, tình yêu của các chàng trai và cô gái ; chúng có điểm giống nhau về nghệ thuật : hình ảnh con sông, chiếc cầu (bài 1, 2), công thức ngôn từ "Ước gì" (bài 2, 3), v.v. Những bài ca dao của nhóm 3 diễn tả nghĩa tình của người đi – kẻ ở và đều có hình ảnh cây đa, bến cũ, con đò, v.v.

Dựa vào tình cảm bao trùm ở từng nhóm bài ca dao có thể đặt tên như sau : nhóm 1 : *Ước muốn gặp gỡ, thương yêu* ; nhóm 2 : *Nỗi thương nhớ người yêu của cô gái* ; nhóm 3 : *Nghĩa tình của người đi – kẻ ở*.

Lưu ý :

– Câu hỏi này giúp HS có cái nhìn bao quát về toàn bộ văn bản, chưa yêu cầu phân tích sâu từng nhóm, từng bài cụ thể.

– HS có thể nêu những cách sắp xếp và đặt tên khác nhau cho từng nhóm.

Câu hỏi 2. Bài 1, 2, 3

– GV gợi ý cho HS dựa vào hệ thống đại từ để xác định từng bài là lời của ai nói với ai.

– Tìm ý chung và những điểm giống nhau về nghệ thuật của bài này : xem gợi ý cho Câu hỏi 1.

– Cái hay của các hình ảnh nghệ thuật :

"Cô kia đứng ở bên sông" là hình ảnh thực. Nhưng con sông để bắc chiếc cầu "cành hồng" thì không có thực. Cũng không có thực con sông "rộng một gang". *Chiếc cầu – cành hồng, chiếc cầu – dải yếm* đều không có trong thực tế. Song, cái hay của các bài ca dao lại chính là ở những cái không có thực ấy và tình ý mà chúng gợi lên.

Ở bài 1, chàng trai hỏi cô gái có muốn sang bên này sông, hay anh muốn cô gái sang. *Chiếc cầu – cành hồng* tuy chỉ là sự đặt bày nhưng rất đẹp, tinh nghịch và tinh tế. Đó chính là chiếc cầu tình yêu anh muốn bắc. Nhưng ước muốn ấy được "che giấu rất sâu, không thể và không muốn bộc lộ hoàn toàn".

Con sông và chiếc cầu ở bài 2 cũng tương tự như vậy. Mong được gần nhau nên cô gái mong con sông chỉ "rộng một gang" để bắc chiếc cầu đón chàng trai bằng dải yếm mềm mại mang hơi ấm, nhịp đập trái tim đầy yêu thương. Ước muốn thật táo bạo nhưng đậm thắm, đầy nữ tính.

Bài 3 cũng nói về ước muốn, song không phải ước muốn về sự vật khác mà chính về bản thân : ước muốn *hoá thân* để luôn được gần người yêu của chàng trai. Không chỉ có thế ! Hoá thân để "em" thấy vẻ đẹp, giữ vẻ đẹp của "em", để bóng em lồng trong mình. Hoá thân để cùng em giữ cau tươi – trầu vàng của tình yêu và hôn nhân. Tình cảm của chàng trai trong bài ca dao rất đậm thắm, đôn hậu.

Câu hỏi 3. Bài 4

Nhân vật trữ tình trong bài ca dao là cô gái. Cô gái đang sống trong tâm trạng thương nhớ người yêu khôn nguôi. Những lo phiền trong lòng người (hai câu cuối) cũng là vì thương nhớ.

Bài ca dao dùng những cái *ngoại hiện* để diễn tả cái bên trong là tâm trạng nhân vật trữ tình. Cái ngoại hiện đó thể hiện qua các hình ảnh nhân hoá, hoá dụ (*khăn, đèn, mắt*), những hình thức lặp lại (lặp ngữ pháp, lặp câu thơ, hình ảnh, nhịp điệu, nhóm từ, từ). Mượn cái khăn để nói trước, rồi nhắc tới ngọn đèn và cuối cùng là đôi mắt. Chiếc khăn nhiều lần rơi xuống rồi lại được nhặt lên. Nỗi thương nhớ

làm lòng người không yên. Ngọn đèn, đôi mắt cũng như lòng người nhớ thương thao thức. Hỏi khăn, hỏi ngọn đèn, đôi mắt cũng chính là hỏi lòng mình. Cô gái nhớ thương người yêu đến rơi nước mắt và không ngủ được. Những hình thức lặp lại, đặc biệt là lặp ngữ pháp, câu thơ đã gợi và tô đậm nỗi nhớ thương dằng dặc, khôn nguôi của cô gái. Về mặt, bộ dạng của nhân vật trữ tình là về mặt, bộ dạng của con người "ra ngẩn vào ngơ", bồn chồn, phiền muộn.

Tâm trạng cô gái, nếu trong những câu thơ bốn chữ còn được diễn tả bằng hình thức khách thể hoá, thì đến hai câu lục bát cuối đã được giải bày trực tiếp. Những lo phiền của cô gái cũng là vì thương nhớ. "Lo vì một nỗi không yên một bề". "Một nỗi", "một bề" mà hoá thành rất nhiều vấn vương, thao thức. Cô gái lo cho chàng trai ? Hay lo chàng trai không yêu thương mình như mình đã yêu thương ? Đấy cũng là tâm trạng phổ biến của những cô gái đang yêu.

Câu hỏi 4. Bài 5, 6

– Ca dao thường mượn hình ảnh *cây đa, bến nước* (bến đò), *con đò* (con thuyền) để diễn tả nghĩa tình con người, bởi vì :

+ Đây là những cảnh thân quen, để lại ấn tượng rất sâu sắc cho con người ở làng quê Việt Nam cổ truyền. Nơi bến đò thường có cây đa cổ thụ. Nơi bến đò cũng thường diễn ra những cuộc ra đi hoặc trở về, chia tay hoặc gặp lại, lưu giữ rất nhiều kỉ niệm của con người.

+ Đây là những hình ảnh luôn gắn bó với nhau, có đặc tính phù hợp với ý nghĩa ước lệ tượng trưng mà chúng biểu hiện.

– Trong hai bài ca dao này, cây đa và bến đò (cố định) biểu trưng cho người ở lại ; khách bộ hành, con đò (di chuyển) biểu trưng cho hình ảnh người ra đi.

Bài 5 khẳng định lòng chung thủy giữa người đi – kẻ ở. Dù "nắng mưa", thời gian có qua đi, hoàn cảnh có thay đổi thì cây đa, bến đò vẫn đợi khách bộ hành và khách bộ hành cũng luôn hướng về "Cây đa cũ, bến đò xưa". Cái tình và cái nghĩa ở đây luôn gắn bó với nhau, tạo nên sự bền vững của lòng chung thủy.

Bài 6 gợi một nghịch cảnh. Cây đa, bến cũ vẫn còn nhưng lời hẹn hò trăm năm đành lỗi, vì con đò khác đã tới đưa khách. Cảnh cũ vẫn còn nhưng "người cũ" (bạn tình năm nào) không còn nữa, đã trở thành hoài niệm. Cái nghĩa không còn nhưng cái tình vẫn rất đậm. Tiếc và trách. Ngậm ngùi. Bâng khuâng. Cả cho mình và cả cho người.

Câu hỏi 5

Qua chòm ca dao đã học, HS phải chỉ ra được những biện pháp nghệ thuật thường được ca dao sử dụng. Để trả lời tốt câu hỏi này, HS cần đọc lại những bài ca dao trong bài học, nhớ lại các biện pháp nghệ thuật khi tìm hiểu các nhóm bài ca dao và cần đọc phần *Tri thức đọc - hiểu* trong SGK. Khi nêu các biện pháp nghệ thuật tiêu biểu của ca dao (thể thơ, các hình ảnh truyền thống, các hình thức lặp lại, v.v.), HS cần đưa ví dụ từ chính các bài ca dao đã học và nêu khái quát được giá trị thể hiện nội dung của chúng.

3. Phần củng cố

– Ca dao yêu thương, tình nghĩa là những bài ca dao diễn tả tình cảm yêu thương, ân tình, nghĩa tình như tình cảm gia đình, bạn bè, tình yêu lứa đôi, tình yêu quê hương đất nước, con người.

– Yêu thương, tình nghĩa là truyền thống tình cảm tốt đẹp của dân tộc. Truyền thống ấy đã trở thành chủ đề lớn của ca dao, xuyên thấm trong rất nhiều câu hát. Qua một số bài ca dao đã học, có thể thấy được đời sống tâm hồn phong phú, sâu sắc và tài năng thể hiện đời sống tâm hồn ấy của nhân dân ta.

– Với những nét đặc thù về nội dung và nghệ thuật, "ca dao tự vạch cho mình một lối đi,... ca dao là kết tinh thuần túy của tinh thần dân tộc"⁽¹⁾. "Muốn biết tinh thần Việt Nam chân chính, muốn biết rõ cái nguồn sông chảy trong máu dân tộc chúng ta, phải tìm đến văn chương của dân chúng tuy bình dị nhưng biểu lộ được ý nghĩa, tình cảm, hành động của mọi người"⁽²⁾.

Lưu ý : Qua một số nội dung trên, GV yêu cầu HS về nhà đọc kĩ phần *Tri thức đọc - hiểu* để củng cố và mở rộng những điều đã học trong bài.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Để hướng dẫn HS viết bài giới thiệu về hình ảnh *đôi mắt* hay *thuyền* (con đò) – *bến* (bến đò), hay hình ảnh *cây đa*, GV cần lưu ý HS :

– Suy tầm những bài ca dao có các hình ảnh vừa nêu và suy tầm một số bài nghiên cứu liên quan.

(1) Thuận Phong, *Ca dao giảng luận*, Á châu xuất bản, Sài Gòn, 1958.

(2) Nguyễn Đình Thi, *Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích*, tạp chí *Tri tân*, H., 1944, số 47.

– Nêu đặc điểm nội dung, nghệ thuật biểu hiện của các hình ảnh này và giải thích vì sao chúng lại xuất hiện phổ biến trong ca dao.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, in lần thứ tám, NXB Khoa học xã hội, H., 1978.

– Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật (Chủ biên), *Kho tàng ca dao người Việt*, tái bản, NXB Văn hoá – Thông tin, H., 2001 (hai tập).

– Đỗ Bình Trị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*, Sdd.

– Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, NXB Khoa học xã hội, H., 1991.

– Phạm Thu Yến, *Những thế giới nghệ thuật ca dao*, NXB Giáo dục, 1998.

– Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), *Văn học dân gian – Những công trình nghiên cứu*, Sdd.